

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 132/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23-10-2018
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My My

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Phúc Tiếng

2. Ông Lê Đình Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Nguyễn Hiền - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Không tham gia phiên tòa

Ngày 23/10/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 622/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Ngọc Thùy N – Sinh năm: 1972 (Có mặt)

Cư trú tại: đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Việt T – Sinh năm: 1967 (Vắng mặt)

Cư trú tại: đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Ngọc Thùy N trình bày:***

Tôi và anh Nguyễn Việt T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng tôi sống hạnh phúc được khoảng 12 năm, đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, lối sống không hòa hợp, vợ chồng không còn sự tin tưởng nhau về tình cảm. Nay chúng tôi

không thể chung sống với nhau được nữa nên đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi và anh Nguyễn Việt T.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày: 28/10/1999. Hiện nay cháu T đã đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tôi không nợ ai và không ai nợ vợ chồng tôi.

*** Bị đơn ông Nguyễn Việt T trình bày:**

Tôi và cô Lê Ngọc Thùy N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996 nhưng vợ chồng tôi không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân.

Quá trình chung sống vợ chồng tôi có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày: 28/10/1999

Vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc được 12 năm, đến năm 2008 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không còn tin tưởng lẫn nhau, nên cả hai quyết định chấm dứt. Vậy đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi và cô Lê Ngọc Thùy N.

Về con chung: Hiện nay cháu T đã đủ 18 tuổi, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tôi không nợ ai và không ai nợ vợ chồng tôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Việt T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng ông T không đến Tòa án tham gia tố tụng, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Việt T là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Ông Nguyễn Việt T và bà Lê Ngọc Thùy N là tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996, mặc dù tại thời điểm chung sống hai bên đều có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống, giữa hai người không hòa hợp, không có tiếng nói chung và cả hai đều không tin tưởng nhau, mâu thuẫn vợ chồng diễn ra từ năm 2008 đến nay và cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng đôi bên không còn nữa nên mong muốn không công nhận vợ chồng. Xét thấy cuộc sống chung giữa ông T và bà N không còn nữa nên không thể tiếp tục duy trì, do đó tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Việt T và bà Lê Ngọc Thùy N.

- Về con chung: Ông T và bà N có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 28/10/1999. Hiện đã đủ tuổi trưởng thành ông T, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết..

Về án phí: Bà N phải chịu phí Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Không công nhận quan hệ giữa bà Lê Ngọc Thùy N và ông Nguyễn Việt T là vợ chồng.

Về án phí: Bà Lê Ngọc Thùy N phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà N đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2017/0007685 ngày 20 tháng 7 năm 2018.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị My My